

Số: /SYT-KHTC

Khánh Hòa, ngày tháng 7 năm 2025

V/v báo giá trang thiết bị y tế
cho các trạm y tế xã thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế – xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế cho các trạm y tế xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa.
- Địa chỉ: Khu liên cơ 2, số 03 Hàn Thuyên, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm nhận báo giá:

- Ông Nguyễn Quốc Nhân Chức vụ: Cán bộ QLDA.
- Điện thoại: 0903528724.
- Email: quocnhansyt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: Khu liên cơ 2, số 03 Hàn Thuyên, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 09h00 ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 04 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế (đính kèm theo Phụ lục).
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: tại các trạm y tế xã thuộc các TTYT khu vực Khánh Sơn; Cam Ranh; Cam Lâm và TTYT khu vực Ninh Hòa.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày.
4. Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Dự kiến tạm ứng 30% giá trị hợp đồng.
 - Thanh toán 80% giá trị thiết bị, khi thiết bị được vận chuyển đến nơi lắp đặt.
 - Thanh toán 100% giá trị thiết bị, khi thiết bị được vận chuyển đến nơi lắp đặt, được lắp đặt, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành và đào tạo vận hành.
5. Các thông tin khác: Không.

Sở Y tế kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có đầy đủ năng lực theo quy định pháp luật gửi báo giá để Sở Y tế tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế cho các trạm y tế xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025./.

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị)

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, KHTC, QN/2b.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Khoa

Phụ lục
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÁC TRẠM Y TẾ XÃ
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số /SYT-KHTC ngày /7/2025 của Sở Y tế Khánh Hòa)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy phun hóa chất	Cái	7
2	Máy điện tim 6 cần	Cái	8
3	Bàn hồi sức sơ sinh	Cái	2
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (11 chi tiết)	Bộ	10
5	Máy Doppler tim thai	Cái	3
6	Nồi hấp áp lực 18 lít	Cái	1
7	Máy siêu âm tổng quát	Cái	1
8	Bộ đỡ đẻ (17 chi tiết)	Bộ	1
9	Máy khí dung	Cái	2
10	Monitor sản khoa	Cái	1
11	Thước gỗ đo chiều cao	Cái	4
12	Cân trẻ sơ sinh có máng	Cái	2
13	Ghế Nha khoa	Cái	1
14	Máy lấy cao răng bằng siêu âm	Cái	1
15	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Cái	1
16	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Cái	1

**BẢNG MÔ TẢ CÁC TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT
TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ
MIỀN NÚI NĂM 2025**

(Kèm theo Công văn số /SYT-KHTC ngày /7/2025 của Sở Y tế Khánh Hòa)

STT	Tên thiết bị	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật
1	Máy phun hóa chất	<p>Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 máy chính - 1 vòi phun + 1 ống kẹp ống + 2 cổ đê + 2 ốc - 1 tấm đệm lưng - 1 tua vít dẹp - 1 khóa mở bugi <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Động cơ: 56.5 cc. Công suất động cơ: 2,5kW/3,4 hp Trọng lượng: 11,0kg Bình nhiên liệu: 1.5 lít Dòng thổi tối đa: 1060m³/giờ. Vận tốc gió: 101m/ giây. Dung tích bình chứa thuốc: 13lít. Tốc độ phun: 0.15 – 3.0 lít/ phút. Dải phun: dọc 11.5m – ngang 12m. Van điều chỉnh từ mức 1 --> 6 có tác dụng hiệu quả trong việc cần phun hóa chất ở một lượng nhỏ với nồng độ đậm đặc và khi cần phun hóa chất với công suất lớn.</p>
2	Máy điện tim	<p>Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính màn hình LCD: 1 máy - Bộ dây điện tim 10 điện cực: 1 bộ - Điện cực chi: 1 bộ (4 cái) - Điện cực ngực: 1 bộ (6 cái) - Cáp nguồn: 1 cái - Giấy điện tim: 80mm x 20m : 1 cuộn - Dây nối đất lọc nhiễu: 01 sợi <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạo trình: Tiêu chuẩn 12 đạo trình; Cường độ tín hiệu từ bệnh nhân: $\leq 10\mu\text{A}$; Tốc độ quét: 1000Hz - Chuyển đổi A/D: 12bit - Dải tần đáp ứng: 0.05Hz-150Hz (-3dB,+0.4dB) - Hằng số thời gian: >3.2s; Điện áp phân cực: $\pm 500\text{mV}$ - Mức nhiễu: $\leq 15\mu\text{Vp-p}$; Bộ lọc nhiễu EMG: 25Hz/35Hz (-3dB) - Lọc AC: 50Hz/60Hz ($\geq 20\text{dB}$) - Chế độ ghi: Hệ thống in nhiệt (8 điểm/mm) - Độ nhạy: 2.5mm/mV, 5mm/mV, 10mm/mV, 20mm/mV, 40mm/mV, tự động - Tốc độ cuộn giấy: 5mm/s, 6.25mm/s, 10mm/s, 12.5mm/s, 25mm/s, 50mm/s

STT	Tên thiết bị	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật
3	Bàn hồi sức sơ sinh	<p>Cấu hình: Thân máy chính (gồm mô đun làm ấm, bộ điều khiển nhiệt độ, nôi, chân đế), cột truyền, khay)</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ làm ấm trước, chế độ bằng tay và chế độ sơ sinh được điều khiển bằng vi xử lý - Phạm vi điều chỉnh nhiệt độ chế độ em bé: 34.5°C - 37.5°C - Phạm vi hiển thị nhiệt độ da: 50°C - 65°C - Độ chính xác cảm biến nhiệt độ da: ±0,20C - Độ đồng nhất nhiệt độ đệm: ≤20C - Góc đầu bộ làm nóng: 0°, 30°, 45° cho 2 kiểu - Độ nghiêng nôi: 5 tư thế nghiêng - Bộ đếm giờ APGAR: Báo động hình và tiếng khi thiết bị chạy đến 50'' ~ 1', 4'50'' ~ 5', 9'50''~10' - Báo động lỗi: Quá nhiệt, lệch, hỏng cảm biến, nguồn, cài đặt, kiểm tra... - Kích thước: 1110 x 625 x 1195mm. - Trọng lượng tổng: 60kg.
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (11 chi tiết)	<p>Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán dao số 4 - Lưỡi dao 15 - Lưỡi dao 23 - Pen thẳng không máu 13 cm - Kéo cong 14 cm - Pen cong có máu 14 cm - Kẹp kim 14 cm - Kéo 2 tù 14 cm - Kéo 1 tù 1 máu 12 cm - Nhíp adson không máu 12 cm - Nhíp cong 12 cm
5	Máy Doppler tim thai	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò: tiếp xúc trực tiếp với thành bụng để kiểm tra nhịp đập thai nhi - Phần máy chủ: nơi chuyển hoá nhịp đập của thai nhi thành sóng âm và hiển thị biểu đồ nhịp tim trên màn hình. - Pin cung cấp năng lượng cho máy
6	Nồi hấp áp lực 18 lít	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 18 lít - Kích thước buồng hấp: Ø280 x 260 mm - Dải áp suất làm việc: 0.14 – 0.16 Mpa - Nhiệt độ làm việc: 126oC - Áp suất tối đa: 0.165Mpa - Nguồn điện: AC220V, 50Hz/2kW - Kích thước đóng gói: 410 x 410 x 430mm - Trọng lượng: 14kg
7	Máy siêu âm tổng quát	<p>Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu hình máy cơ bản: Máy chính dạng xe đẩy + Đầu dò. - Đầu dò đi kèm: Tùy chọn cấu hình và số đầu dò (Tối đa là 4), có 4 ổ cắm đầu dò đi kèm.

STT	Tên thiết bị	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật
		+ Màn hình: Kích thước vùng hình ảnh được mở rộng, Thiết kế giao diện UI chăm sóc mắt, giảm mệt mỏi thị lực. + Màn hình chính: Mỏng, không viền, LED full HD 21.5 inch, độ phân giải 1920×1080. – Màn hình cảm ứng 13.3’’ độ phân giải 1280×1080 – Bảng điều khiển đồng bộ với máy có giá đỡ đầu dò – Ổ cứng: 1TB, DVD-RW – Hệ thống tích hợp adapter wifi, có khả năng phát wifi độc lập.
8	Bộ đồ đẻ (17 chi tiết)	Chi tiết: - Mỏ vịt tiêu - Mỏ vịt trung - Ống nghe tim thai - Kẹp pozzi - Kẹp gấp cò 24 cm - Kẹp hình tim 24 cm - Kéo cong nhọn 18 cm - Kẹp cầm kim 18 cm - Kẹp cầm máu thẳng, có máu 16 cm - Kẹp mạch máu thẳng, không máu 16 cm - Kẹp phẫu tích 14 cm, có máu - Kẹp phẫu tích 14 cm, không máu - Kéo cong nhọn 14 cm - Kéo thẳng nhọn 16 cm - Thước đo tử cung - Khay đựng dụng cụ inox 30x40 cm - Hộp đựng dụng cụ inox 32x16x6cm
9	Máy khí dung	Cấu hình bao gồm: - 01 Bình phun khí dung HI-FLO - 01 Mask thở cho người lớn với dây co giãn - 01 Mask thở cho trẻ em với dây co giãn - 01 Ống ngậm miệng - 01 Ống thông mũi (không xâm lấn) - 01 Ống dẫn khí - 01 Bộ lọc khí Thông số kỹ thuật: Máy nén: Bơm piston không dầu, không cần bảo dưỡng Cấp điện: 230V-50Hz Tiêu thụ điện: 170VA Áp suất tối đa: 3.0 bar 43.5 psi 300 kPa Áp suất hoạt động: 1.3 bar 18.9 psi 130 kPa Tốc độ phun dẫn khí tối đa: 16 lít/ phút Tốc độ khí hoạt động: 5.2 lít/ phút Tốc độ phun khí dung với 4ml dung dịch: 0,5 ml/phút Kích thước hạt phun: 3,25 µm (MMAD) (theo tiêu chuẩn EN-13544-1) Nồng độ hạt có thể hít sâu (<5µm): >70%

STT	Tên thiết bị	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật
		Chu trình hoạt động: Liên tục Mức độ ồn (tiêu chuẩn EN 13544-1): Khoảng 60 dBA Trọng lượng: 1,60 kg Kích thước (máy chính): 14 x 23 x 12 cm
10	Monitor sản khoa	Cấu hình bao gồm: - Thiết bị chính - Phụ kiện: + Đầu dò Doppler: 2 Cái + Đầu dò UC (Cơ gò tử cung): 1 Cái + Mark Jack đánh dấu sự kiện: 1 Cái + Giấy in: 2 Xấp + Dây Nguồn + Adapter : 1 Cái + Gel siêu âm: 1 lọ + Đai đầu dò: 3 Cái + Hướng dẫn sử dụng anh và Việt: 1 Quyển
11	Thước gỗ đo chiều cao	Thước đo chiều cao bằng gỗ Kích thước: 40x160x40 (cm)
12	Cân trẻ sơ sinh có máng	Cấu hình: - Cân chính: 01 cái Thông số kỹ thuật: - Loại: đo chiều cao và cân nặng. - Tải trọng: 20 kg - Khoảng chia: 5g - Đơn vị: kg/lbs - Thước đo tối đa: 70cm - Nguồn điện: Pin AA x 4 - Kích thước: 603 x 385 x 150 mm - Khối lượng tổng: 9,8 kg
13	Ghế Nha khoa	Hệ thống ghế máy nha khoa: - Kiểu dáng: thiết kế hiện đại, đảm bảo sự cân bằng và chắc chắn. - Hệ thống ghế máy bằng thủy lực, điều khiển bằng bàn phím điều khiển trên mâm tay khoan và bên trợ thủ. - Lưng ghế có thể ngã ra sau 64 độ so với mặt phẳng ngang - Bề mặt nệm ghế bọc simily cao cấp, không đường nối, không góc cạnh, trang nhã, bền chắc, đáp ứng các tiêu chuẩn về vô trùng trong Nha khoa hiện đại. - Tải trọng thủy lực nâng hạ ghế: 200 kg - Điện thế sử dụng: 220/110V ±10% - Tổng trọng lượng ghế: 180 kg Hệ thống mâm tay khoan: - Hệ thống mâm tay khoan có thể điều chỉnh độ cao phù hợp với vị trí làm việc của bác sỹ. - Mâm tay khoan với 4 vị trí gồm có: 01 tay xịt 3 chức năng, 02 vị trí tay siêu tốc, 01 vị trí tay chậm, - Mâm đựng dụng cụ lớn, bề mặt phủ tấm silicon có thể tháo ra để làm vệ sinh.

STT	Tên thiết bị	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật
		<p>Hệ thống bồn nhỏ và cung cấp nước sạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống bồn nhỏ làm bằng vật liệu sứ. - Hệ thống hút nước bọt và hút phẫu thuật có gắn các van hơi tự động đóng, ngắt khi làm việc. - Hệ thống lọc chất thải được gắn nơi thuận tiện cho việc vệ sinh hằng ngày <p>Hệ thống đèn nha khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đèn LED Faro/ Ý có ánh sáng lạnh không sinh nhiệt, không hắt bóng. - Hệ thống đèn có khớp quay 3 chiều phù hợp với nhiều tư thế, thao tác của Bác sỹ. - Dễ dàng điều chỉnh khoảng cách giữa đèn và bệnh nhân. - Hệ thống đèn có cường độ ánh sáng 3.000 ~ 35.000 Lux. <p>Ghế nha sỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghế nha sỹ: màu đồng bộ với ghế bệnh nhân. - Hệ thống bánh xe bền và linh hoạt. - Có thể điều chỉnh lên xuống
14	Máy lấy cao răng bằng siêu âm	<p>Thông số: Nguồn điện: 220V ± 5% ~ 50 / 60Hz 92VA Tần số làm việc: 24.5KHz ± 5% Kích thước: (L) 24,5cm x (W) 22,5cm x (H) 8,5cm Công suất: 0-30 W Áp suất không khí: 860-1060 hPa</p> <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được thiết kế với thân máy khá chắc chắn, mũi lấy cao răng dài giúp nha sỹ dễ dàng tiếp cận mọi góc ngách trong khoang miệng. - Bước sóng siêu âm tạo dao động an toàn trên tay khoan nên dễ dàng đi sâu vào giữa các kẽ răng hoặc dưới nướu, giúp loại bỏ cao răng cứng, lâu ngày. - Độ rung của máy mạnh giúp máy hoạt động ổn định với hiệu suất cao. - Sử dụng cơ chế rung sắt từ nên hạn chế tối đa tiếng ồn, giúp người bệnh hạn chế ê buốt trong quá trình điều trị. - Lượng nước phun ra từ tay khoan sẽ nóng dần lên sau khi khởi động máy.
15	Máy xét nghiệm huyết học tự động	<p>Cấu hình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ - Máy in (mua trong nước): 01 cái - Bộ hóa chất chạy thử máy, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Isotonac 3 (18L): 01 can + Hemolynac 310 (250ml): 01 can + Cleanac 710 (2L): 01 can + Cleanac 3 (5L): 01 can - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ

STT	Tên thiết bị	Tính năng, yêu cầu kỹ thuật
16	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	<p>Tính năng kỹ thuật: Đo được các thông số: pH, Nitrite, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Blood, Glucose, Bilirubin, Urobilinogen, Ketone, Leucocytes, Protein, Creatinine, Calcium, Microalbumin Phương pháp đo: Phương pháp phản xạ bước sóng kép Bước sóng đo: 3 bước sóng LED (550,620,720nm) Cấp mẫu: ngâm bằng tay Thời gian đo: 60 giây Công suất đo: 60 mẫu/giờ ở chế độ thường, và 120 mẫu/giờ nếu đo liên tục Màn hình hiển thị: LCD Bộ nhớ: 5000 kết quả xét nghiệm Loại que thử: que thử nước tiểu URIT 10G / 11G/ 14G Cổng giao tiếp: RS 232, cổng máy in mở rộng, cổng PS/2 cho máy đọc mã code Điều kiện làm việc: Nhiệt độ: 15-30°C, Độ ẩm tương đối: 20%~80% Nguồn điện: 12V DC, 4.0A Kích thước: 290mm x 200mm x 100mm Khối lượng: 2kg</p> <p>Các tính năng: Nguồn ánh sáng lạnh với độ ổn định và tuổi thọ cao Máy in nhiệt nội bộ Hoạt động dễ dàng, tiết kiệm chi phí hiệu quả và chất lượng cao Giao tiếp với PC, LIS qua cổng RS232, đọc mã vạch (tùy chọn) Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ</p>

MẪU BÁO GIÁ TRANG THIẾT BỊ

(Kèm theo Công văn số /SYT-KHTC ngày /7/2025 của Sở Y tế Khánh Hòa)

Tên đơn vị thực hiện báo giá:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa

Chúng tôi là....., có địa chỉ tại:

Đơn vị chúng tôi xin gửi tới Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa bảng Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, mode, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng / khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thiết bị A	1. Yêu cầu chung: 2. Yêu cầu cấu hình 3. Chỉ tiêu kỹ thuật 4. Yêu cầu khác							
2	Thiết bị B								
...									
n									
Tổng cộng:									

Giá trên là giá đã bao gồm thuế và các loại phí

Các điều khoản: Hàng hóa mới 100%, năm sản xuất 2024 trở về sau.

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, catalog sản phẩm và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Chức vụ, Ký tên, đóng dấu)

GHI CHÚ:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.